TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1629/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 1396/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị T.H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 87/19/6D đường A, phường A, TP. Hồ Chí Minh;

- Ông Lâm Quốc D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 87/19/6D đường A, phường A, TP. Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

[1] Hôn nhân giữa bà Lê Thị T.H và ông Lâm Quốc D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, ngày 21/4/2014 của Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố B, tỉnh L (nay là Phường M, tỉnh L).

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 04/12/2025 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/12/2025, bà Lê Thị T.H và ông Lâm Quốc D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm T.A, sinh ngày 11/03/2014 và Lâm Q.T, sinh ngày 14/12/2015. Sau ly hôn, bà Lê Thị T.H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi con trưởng thành.

Ông Lâm Quốc D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/ 1 con (6.000.000 đồng/ 2 con/ 1 tháng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Lê Thị T.H và ông Lâm Quốc D tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con nên cần chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T.H và ông Lâm Quốc D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, ngày 21/4/2014 của Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố B, tỉnh L (nay là Phường M, tỉnh L) cấp cho bà Lê Thị T.H và ông Lâm Quốc D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm T.A, sinh ngày 11/03/2014 và Lâm Q.T, sinh ngày 14/12/2015. Sau ly hôn, bà Lê Thị T.H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi con trưởng thành. Ông Lâm Quốc D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/ 1 con (6.000.000 đồng/ 2 con/ 1 tháng).

Ông Lâm Quốc D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng, một hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Lê Thị T.H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lâm Quốc Dg chưa thi hành số tiền cấp dưỡng thì hàng tháng thì ông D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Lê Thị T.H và ông Lâm Quốc D phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà H và ông D đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0050635 ngày 18/12/2025 tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 7 – TP. Hồ Chí Minh. Bà H và ông D đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 7 – TP.HCM;
- UBND Phường M, thành phố B, tỉnh L (nay là Phường M, tỉnh L);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Quốc Việt